

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **876** /UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **01** tháng **3** năm 2016

V/v tình hình thực hiện Nghị  
định số 25/2013/NĐ-CP và  
Thông tư liên tịch số  
63/2013/TTLT-BTC-BTNMT

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

<b>CV ĐẾN</b>	Số:..... <i>1186</i> .....
	Ngày: <i>01/3/16</i> .....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 262/BTC-CST ngày 07/01/2016, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP như sau:

**1. Số thu phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải giai đoạn 2013-2015**

**a) Số thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt do đơn vị cấp nước sạch:**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 02 đơn vị cấp nước sạch thực hiện thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Tên đơn vị cấp nước sạch và thu phí	Số phí thu được		
		2013	2014	2015
1	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi	651.358.890	662.885.916	1.183.521.637
2	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	295.214.100	214.713.010	303.491.168
	<b>Tổng cộng</b>	<b>946.572.990</b>	<b>877.598.926</b>	<b>1.487.012.805</b>

**b) Số thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp:**

Thời gian qua, việc triển khai thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, công tác thu phí nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đạt được kết quả nhất định, các cơ sở thực hiện nộp phí BVMT nước thải công nghiệp tăng dần

về số lượng. Từ đó cho thấy nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường được nâng lên, các cơ sở sản xuất kinh doanh đã quan tâm hơn đến công tác bảo vệ môi trường và chấp hành tốt việc kê khai phí và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Tổng số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp thu được từ năm 2013 đến năm 2015 được thống kê như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

Năm	Số phí thu được đối với nước thải công nghiệp
2013	267.181.917
2014	568.177.054
2015	440.893.340
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.276.252.311</b>

## 2. Sử dụng số phí được để lại đối với nước thải công nghiệp, cụ thể

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chi cho việc thu phí	2013	2014	2015
1	Tiền lương	41.216.633		34.344.750
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	6.774.530		6.545.318
3	Phụ cấp lương	16.027.550		14.124.675
4	Thanh toán dịch vụ công cộng		1.710.631	3.642.503
5	Vật tư văn phòng	4.325.000	13.985.000	9.669.000
6	Thông tin liên lạc	1.119.668	1.831.737	3.718.186
7	Công tác phí	500.000		300.000
8	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu		5.610.000	
9	Lấy mẫu phân tích mẫu nước thải phục vụ thẩm định tờ khai phí	37.245.600		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>107.208.749</b>	<b>23.137.368</b>	<b>72.344.432</b>

## 3. Khó khăn, vướng mắc

- Ý thức chấp hành pháp luật đối với công tác BVMT nói chung và việc kê khai phí nói riêng của một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh còn hạn chế.

- Việc lấy mẫu phân tích phục vụ cho việc kê khai và nộp phí hiện nay đều do các cơ sở chủ động thuê đơn vị có chức năng thực hiện nên dẫn đến có sự điều chỉnh về khối lượng và mức độ ô nhiễm theo hướng có lợi cho cơ sở, do đó việc kê khai và nộp phí thấp hơn thực tế.

- Hiện nay, chế tài xử phạt các trường hợp vi phạm của đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải còn thấp, nhiều bất cập.

#### 4. Biểu tổng hợp số liệu

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Số phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt</b>				
a	Số thu phí	946.572.990	877.598.926	1.487.012.805	
b	Mức thu phí (%/giá bán nước)	200đ/m <sup>3</sup>	Từ Tháng 01-09: 200đ/m <sup>3</sup> , Từ Tháng 10-12: 5%/giá bán	5%	
c	Tỷ lệ để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch	10%	Từ tháng 01-09: 10%, từ T10-12: 5%	5%	
<b>2</b>	<b>Số phí BVMT đối với nước thải công nghiệp</b>				
2.1	Số thu	267.181.917	568.177.054	440.893.340	
2.2	Sử dụng số phí được để lại	53.436.383	113.635.411	88.178.668	
a	Trang trải cho việc thu phí	69.063.381	23.137.368	72.344.432	
b	Trang trải chi phí đo đạc, đánh giá, lấy mẫu phân tích mẫu nước thải phục vụ thẩm định tờ khai phí, quản lý phí, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với nước thải công nghiệp	37.245.600			Số dư của phí được để lại năm trước chuyển sang

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Tài chính./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Vụ Chính sách thuế (Bộ Tài chính);
- Các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP(NL), KTTT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tmh57).



**Phạm Trường Thọ**